

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2021

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

2. Bà Chu Thị Nụ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà F2 Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Vi, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLST - HNGĐ ngày 24/2/2021 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc “không công nhận quan hệ vợ chồng”, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị M1 – Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm BN, xã TN, huyện Vi, Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Tự do. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Anh Lương Văn H2 – Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xóm BN - xã TN - Vi – Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Văn hóa: 04/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch NHCSXH huyện Vi.

Đại diện ông Phạm Thế T5 – Phó Giám đốc. Theo Giấy ủy quyền số 17/UQ – NHCS ngày 02/3/2021. (Có mặt)

- Chị Lương Thị H3 – Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm PH, xã LT, huyện Vi, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Công nhân. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị M1 trình bày:**

Chị khởi kiện anh Lương Văn H2 - Địa chỉ: Xóm BN, xã TN, Vi, Thái Nguyên khởi kiện lý do xin ly hôn.

Chị và anh H2 lấy nhau năm 2002 có được tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục địa phương.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lường Thị F1 – Sinh ngày 09/9/2004 và cháu Lường Thanh F2 – Sinh ngày 17/10/2012.

Về tài sản chung: Chị không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị có vay Ngân hàng CSXH huyện Vi số tiền 50.000.000 đồng, sau đó chị đã cho chị Lường Thị H3 – Địa chỉ: Xóm PH, xã LT, huyện Vi vay lại.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do hai vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, anh H2 thường xuyên đánh đập dọa nạt chị, phá hoại tài sản, anh chị đã sống ly thân được hơn 2 năm nay, xét tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh H2.

Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh H2.

Về con chung: Tùy nguyện vọng của các cháu, vì hiện tại chị không ở tại nhà nên đề nghị giao con cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con, xong mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, buộc chị H3 trả nợ cho chị và anh H2 để anh chị trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp chị H3 không nhận nợ và không trả, chị đề nghị Tòa án chia đôi chị và anh H2 mỗi người trả cho Ngân hàng một nửa gốc và lãi khi đến hạn.

*** Bị đơn anh Lường Văn H2 trình bày:**

Anh và chị M1 lấy nhau hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lường Thị F1 – Sinh ngày 09/9/2004 và cháu Lường Thanh F2 – Sinh ngày 17/10/2012.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh thừa nhận anh và chị M1 có vay của Ngân hàng CSXH số tiền 50.000.000 đồng. Hồ sơ vay anh có được ký nhận là người thừa kế và các thủ tục vay tiền, tuy nhiên anh không được trực tiếp nhận tiền từ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch NHCSXH huyện Vi.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do chị M1 không thường xuyên ở gia đình lo toan cho chồng và con, hay bỏ đi làm ăn ở xa. Vợ chồng ly thân được hơn 2 năm nay.

Nay chị M1 yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi 02 cháu Lường Thị F1 – Sinh ngày 09/9/2004 và cháu Lường Thanh F2 – Sinh ngày 17/10/2012. Nếu được nuôi con anh yêu cầu chị M1 cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 800.000 đồng/01 tháng, cho đến khi mỗi cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh không đồng ý trả nợ, nhưng anh có ký vào thủ tục để vay Ngân hàng CSXH nên nếu chị M1 chết hoặc có lý do bất khả kháng không trả nợ được Ngân hàng thì anh sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

*** Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXH huyện Vi - ông Phạm Thế T5 trình bày:** Hộ gia đình bà Hoàng Thị M1 có vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng hạn cuối cùng trả nợ là 16/3/2022, anh Lương Văn H2 có ký người thừa kế và các thủ tục vay.

Nay anh chị ly hôn, ngân hàng yêu cầu anh H2 và chị M1 cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng CSXH huyện Vi tổng số tiền 50.000.000 đồng gốc và lãi khi đến hạn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị H3 trình bày:** Chị là chị gái của anh Lương Văn H2, chị Hoàng Thị M1 là em dâu của chị.

Chị không được vay tiền hay bất kỳ tài sản nào khác của anh H2 và chị M1. Chị M1 khai và yêu cầu như vậy chị không đồng ý.

Nay anh H2, chị M1 ly hôn chị không có liên quan gì, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh H2, chị M1 theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M1, yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân với anh Lương Văn H2.

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M1 và anh H2.

- Về con chung: Giao cháu Lương Thị F1 – Sinh ngày 09/9/2004 và cháu Lương Thanh F2 – Sinh ngày 17/10/2012 cho anh Lương Văn H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị M1 cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/01 cháu/01 tháng cho đến khi từng cháu tròn 18 tuổi.

Chị M1 và anh H2 có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định anh H2, chị M1 có nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch NHCSXH huyện Vi số tiền 50.000.000 đồng. Anh H2 và chị M1 mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng CSXH ½ số tiền gốc và lãi phát sinh khi đến hạn.

- Về án phí: Chị M1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, khi thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết là ly hôn, tuy nhiên sau khi thu thập chứng cứ và Tòa án xác minh xác định chị M1 và anh H2 không có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị M1 và anh Lương Văn H2.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Hoàng Thị M1 khởi kiện anh Lương Văn H2 nên chị Hoàng Thị M1 là nguyên đơn, anh Lương Văn H2 là bị đơn trong vụ án.

Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch NHCSXH huyện Vi cho chị M1, anh H2 vay số tiền 50.000.000 đồng. Chị M1 khai rằng số tiền này vay Nhân hàng sau đó cho chị Lương Thị H3 vay lại. Do vậy, Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch NHCSXH huyện Vi, chị Lương Thị H3 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị M1: Cuộc hôn nhân giữa chị M1 và anh H2 là hoàn toàn tự nguyện nhưng không hợp pháp. Bởi lẽ theo như đương sự trình bày và căn cứ kết quả xác minh của TAND huyện Vi với UBND xã TN, huyện Vi xác định chị Hoàng Thị M1 và anh Lương Văn H2 trước khi kết hôn là công dân xã TN, huyện Vi, sau đó về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện Vi. Từ trước tới nay chị M1 và anh H2 không thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở khỏi xã TN, huyện Vi.

Về nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo chị M1 là do hai vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, anh H2 thường xuyên đánh đập dọa nạt chị, phá hoại tài sản, anh chị đã sống ly thân được hơn 2 năm nay, xét tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh H2.

Theo anh H2 do chị M1 không thường xuyên ở gia đình lo toan cho chồng và con, hay bỏ đi làm ăn ở xa. Vợ chồng ly thân được hơn 2 năm nay. Nay tình cảm không còn nên chị M1 yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh và chị M1.

Theo biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn của Tòa án tại địa phương xác định chị M1 và anh H2 có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị M1 đã về bên ngoại sinh sống được hơn 05 tháng nay, anh chị cũng sống ly thân từ đó.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị Hoàng Thị M1 và anh Lương Văn H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Xác định thời điểm chị M1 và anh H2 được tổ chức cưới hỏi và chung sống với nhau từ năm 2002 và đã có 02 con chung. Thời điểm năm 2002 áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, do vậy chị M1 và anh H2 chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng, quy định tại Điều 11 của Luật này.

Từ những nhận định này, căn cứ Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị M1 và anh Lương Văn H2.

[4] Về con chung:

Chị Hoàng Thị M1 và anh Lương Văn H2 có 02 con chung là cháu Lương Thị F1 – Sinh ngày 09/9/2004 và cháu Lương Thanh F2 – Sinh ngày 17/10/2012. Ý kiến của chị M1 là tùy nguyện vọng của các cháu, đồng thời chị cũng không ở tại nhà nên đề nghị giao con cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng; Ý kiến của anh H2

có nguyện vọng nuôi 02 con chung và yêu cầu chị M1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng/ 01 cháu cho đến khi từng cháu tròn 18 tuổi.

Quá trình điều tra, các cháu Lương Thị F1 và Lương Thanh F2 đều có nguyện vọng ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa hai bên thống nhất giao các cháu Lương Thị F1 – Sinh ngày 09/9/2004 và cháu Lương Thanh F2 – Sinh ngày 17/10/2012 cho anh Lương Văn H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Thỏa thuận việc nuôi con này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội cũng như đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu. Do vậy, cần công nhận thỏa thuận này.

Về vấn đề cấp dưỡng xét yêu cầu của anh H2 là người trực tiếp nuôi con là chính đáng và mức cấp dưỡng 800.000 đồng/01 tháng/ 01 cháu là phù hợp. Căn cứ vào thu nhập của chị M1 cũng như điều kiện kinh tế tại địa F1 Hội đồng xét xử thấy mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu 800.000 đồng như anh H2 yêu cầu là phù hợp và cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh H2 và chị M1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Đối với khoản nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Vi:

Chị M1 và anh H2 đều xác định đây là nợ chung của chị M1 và anh H2 khi chung sống với nhau.

Về vấn đề trách nhiệm trả nợ: Theo chị M1 sau khi vay anh chị cho chị Lương Thị H3 vay lại, nay chị yêu cầu chị H3 trả nợ cho anh chị để trả cho Ngân hàng, nếu chị H3 không nhận và trả, chị đề nghị chị và anh H2 mỗi người trả một nửa cho Ngân hàng. Ý kiến của anh H2 anh có ký vào các thủ tục vay tiền của chị M1, nay ly hôn anh không đồng ý trả nợ nhưng nếu chị M1 chết hoặc có lý do bất khả kháng không trả nợ được cho Ngân hàng thì anh sẽ trả.

Theo tài liệu có trong hồ sơ xác định ngày 09/9/2018 chị M1 thay mặt hộ gia đình làm thủ tục vay Ngân hàng CSXH số tiền 50.000.000 đồng hạn trả cuối cùng là 16/3/2022, vay theo diện hộ mới thoát nghèo, hộ có thành viên trong hộ trên 18 tuổi là anh Lương Văn H2, đồng thời anh Lương Văn H2 cũng ủy quyền cho chị M1 thực hiện giao dịch với Ngân hàng và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng CSXH.

Từ những căn cứ này, xác định anh H2 và chị M1 nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Vi số tiền 50.000.000 đồng nhưng chưa đến hạn trả. Do chưa đến hạn nên Ngân hàng chưa có yêu cầu độc lập về việc trả nợ. Xét đây là khoản nợ chung của anh H2 và chị M1, nên anh H2 và chị M1 đều có trách nhiệm như nhau đối với khoản nợ này. Vì khoản nợ chưa đến hạn và không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Vi yêu cầu xác định trách nhiệm trả nợ của anh H2, chị đối với số tiền đã vay khi đến hạn. Từ những nhận định này, xác định nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao

dịch NHCSXH huyện Vi là nợ chung, chị M1 và anh H2 có trách nhiệm mỗi người trả một nửa gốc là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh khi đến hạn.

Đối với yêu cầu của chị M1 yêu cầu chị H3 trả số tiền 50.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng CSXH, tại phiên tòa chị M1 có ý kiến nếu chị H3 không nhận vay và nhận trả, chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do vậy, yêu cầu này Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Chị Hoàng Thị M1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vi tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 9; 14; 15; 16; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị M1 và anh Lương Văn H2.

2. Về con chung:

2.1. Về việc trực tiếp nuôi con:

Công nhận sự thỏa thuận của chị M1 và anh H2: Anh Lương Văn H2 có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thị F1 – Sinh ngày 09/9/2004 và cháu Lương Thanh F2 – Sinh ngày 17/10/2012.

2.2. Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Buộc chị Hoàng Thị M1 **cấp dưỡng nuôi cháu** Lương Thị F1 – Sinh ngày 09/9/2004 **mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F1 tròn 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu** Lương Thanh F2 – Sinh ngày 17/10/2012 **mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F2 tròn 18 tuổi.**

2.3. Về quyền và nghĩa vụ đối với con chung:

Chị M1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Anh H2 cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở chị M1 thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thị F1 và Lương Thanh F2.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh H2 và chị M1 nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Vi số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 16/3/2022. Xác định trách nhiệm trả nợ: Anh H2 và chị M1 mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Vi số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh khi đến hạn.

5. Về án phí:

Chị Hoàng Thị M1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vi theo biên lai số 0007851 ngày 24 tháng 2 năm 2021. Số tiền án phí chị M1 còn phải nộp là 300.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 đương sự còn phải chịu lãi xuất đối với khoản tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn, có mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- UBND xã Sảng Mộc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Kim Tuấn